

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 289/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Nội vụ, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ như sau:

1. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 08 tháng 11 năm 2023 về trách nhiệm của Trung tâm Thông tin:

Trung tâm Thông tin chịu trách nhiệm cập nhật, công bố dữ liệu Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ và các dịch vụ cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục Danh mục điện tử dùng chung ngành Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 893/QĐ-BNV ngày 08 tháng 11 năm 2023 bằng Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

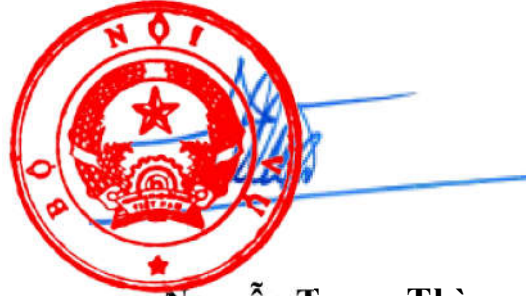
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Công TTĐT Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TTTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Thừa



Phụ lục I:

DANH MỤC ĐIỆN TỬ DÙNG CHUNG NGÀNH NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-BNV ngày 18 tháng 04 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Đơn vị cập nhật dữ liệu: Trung tâm Thông tin

STT	Tên danh mục	Lĩnh vực	Đơn vị rà soát, cung cấp danh mục	Căn cứ pháp lý
1.	Danh mục Bậc lương	Tiền lương	Vụ Tiền lương	Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
2.	Danh mục phụ cấp	Tiền lương	Vụ Tiền lương	Điều 6, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
3.	Danh mục mức lương cơ sở	Tiền lương	Vụ Tiền lương	Điều 3, Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
4.	Danh mục hệ số lương	Tiền lương	Vụ Tiền lương	Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
5.	Danh mục Tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp nhà nước	Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; Tổ chức biên chế	Vụ Tổ chức - Biên chế	- Hiến pháp năm 2013 - Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ

				chức chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020
6.	Danh mục vị trí việc làm	Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; Tổ chức biên chế	Vụ Tổ chức - Biên chế	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/06/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức - Điều 5 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập - Điều 4, Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập
7.	Danh mục biên chế công chức	Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; Tổ chức biên chế	Vụ Tổ chức - Biên chế	- Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/06/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức
8.	Danh mục đơn vị hành chính	Chính quyền địa phương; Về địa giới đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính	Vụ Chính quyền địa phương	Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020
9.	Danh mục phân loại đơn vị hành chính	Chính quyền địa phương; Về địa giới	Vụ Chính quyền địa phương	- Điều 3 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của

		đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính		Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020
10.	Danh mục cán bộ, công chức cấp xã	Chính quyền địa phương; Về địa giới đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính	Vụ Chính quyền địa phương	Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 về cán bộ, công chức cấp xã
11.	Danh mục về số lượng và cơ cấu ngạch công chức	Cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Vụ Công chức - Viên chức	Điều 4, 5, 6 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, xác định cơ cấu ngạch công chức
12.	Danh mục về ngạch công chức	Cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Vụ Công chức - Viên chức	Điều 42 Luật Công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức
13.	Danh mục chức danh nghề nghiệp viên chức	Cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Vụ Công chức - Viên chức	Điều 28 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP: Chức danh nghề nghiệp viên chức gồm: Chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV, V
14.	Danh mục chương trình bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Vụ Công chức - Viên chức	Điều 17 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

15.	Danh mục hình thức kỷ luật	Cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Vụ Công chức – Viên chức	Điều 7 Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức
16.	Danh mục tên gọi các tổ chức hội, quỹ	hội và các tổ chức phi chính phủ	Vụ Tổ chức phi chính phủ	- Điều 2 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định tổ chức hoạt động và quản lý Hội - Nghị định 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 về tổ chức hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện: - Quỹ xã hội, quỹ từ thiện.
17.	Danh mục các chức danh Lãnh đạo hội, quỹ	Hội và các tổ chức phi chính phủ	Vụ Tổ chức phi chính phủ	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định tổ chức hoạt động và quản lý Hội. - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 về tổ chức hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
18.	Danh mục phạm vi hoạt động hội, quỹ	Hội và các tổ chức phi chính phủ	Vụ Tổ chức phi chính phủ	- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định tổ chức hoạt động và quản lý Hội - Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 về tổ chức hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện
19.	Danh mục Danh hiệu thi đua	Thi đua, khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	Điều 6 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022
20.	Danh mục loại khen thưởng	Thi đua, khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	Điều 8 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022
21.	Danh mục Hình thức khen thưởng	Thi đua, khen thưởng	Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương	Điều 9 Luật Thi đua khen thưởng năm 2022

22.	Danh mục các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam được nhà nước công nhận	Tín ngưỡng tôn giáo	Ban Tôn giáo Chính phủ	Công văn số 6955/BNV-TGCP ngày 28/12/2020: 16 tổ chức tôn giáo được nhà nước công nhận
23.	Danh mục về cơ sở tôn giáo	Tín ngưỡng tôn giáo	Ban Tôn giáo Chính phủ	- Luật tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 - Nghị định 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 hướng dẫn Luật tín ngưỡng tôn giáo
24.	Danh mục về chức sắc, chức việc	Tín ngưỡng tôn giáo	Ban Tôn giáo Chính phủ	- Luật tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 - Nghị định 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 hướng dẫn Luật tín ngưỡng tôn giáo
25.	Danh mục tên loại văn bản hành chính	Văn thư, lưu trữ nhà nước	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư
26.	Danh mục ký hiệu viết tắt của tên loại văn bản hành chính	Văn thư, lưu trữ nhà nước	Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư
27.	Danh mục khác			Các văn bản hướng dẫn liên quan

Phụ lục II:
DANH MỤC DÙNG CHUNG DO CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC BAN HÀNH
ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG DANH MỤC ĐIỆN TỬ DÙNG CHUNG NGÀNH NỘI VỤ
(Kèm theo Quyết định số 289 /QĐ-BNV ngày 18 tháng 04 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Tên danh mục	Nguồn thu thập dữ liệu (LGSP/NGSP)
1.	Danh mục Mã loại văn bản theo quy định pháp luật	LGSP/NGSP
2.	Danh mục Mã quy định độ khẩn văn bản	LGSP/NGSP
3.	Danh mục cơ quan ban hành	LGSP/NGSP
4.	Danh mục người kí văn bản	LGSP/NGSP
5.	Danh mục loại hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức	LGSP/NGSP
6.	Danh mục và mã Quốc gia, quốc tịch	LGSP/NGSP
7.	Danh mục và mã các dân tộc	LGSP/NGSP
8.	Danh mục mã ngôn ngữ chính thức	LGSP/NGSP
9.	Danh mục Tiếng dân tộc	LGSP/NGSP
10.	Danh mục vùng miền	LGSP/NGSP
11.	Danh mục và mã mối quan hệ trong gia đình	LGSP/NGSP
12.	Danh mục thành phần gia đình	LGSP/NGSP
13.	Danh mục đối tượng chính sách	LGSP/NGSP

14.	Danh mục và mã nhóm máu	LGSP/NGSP
15.	Danh mục trình độ chuyên môn	LGSP/NGSP
16.	Danh mục cơ sở đào tạo	LGSP/NGSP
17.	Danh mục giáo dục đào tạo	LGSP/NGSP
17.1	Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học	LGSP/NGSP
17.2	Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	LGSP/NGSP
17.3	Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 1	LGSP/NGSP
17.4	Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 2	LGSP/NGSP
17.5	Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 3	LGSP/NGSP
18.	Danh mục ngoại ngữ	LGSP/NGSP
19.	Danh mục chuyên ngành đào tạo	LGSP/NGSP
20.	Danh mục mã học hàm, học vị	LGSP/NGSP
21.	Danh mục và mã chức danh trong các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam	LGSP/NGSP
22.	Danh mục mã cấp bậc hàm sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam	LGSP/NGSP
23.	Danh mục Quản lý lĩnh vực chuyên ngành, cơ quan	LGSP/NGSP
24.	Danh mục Quản lý loại đơn vị	LGSP/NGSP
25.	Danh mục loại hồ sơ cán bộ	LGSP/NGSP

26.	Danh mục Loại đơn vị công tác	LGSP/NGSP
27.	Danh mục kết quả đánh giá	LGSP/NGSP
28.	Danh mục Lý do nghỉ việc	LGSP/NGSP
29.	Danh mục Lý do gián đoạn lao động	LGSP/NGSP
30.	Danh mục chương trình khoa học	LGSP/NGSP
31.	Danh mục loại đề tài nghiên cứu khoa học	LGSP/NGSP
32.	Danh mục lĩnh vực nghiên cứu	LGSP/NGSP
33.	DM Nguồn kinh phí hoạt động	LGSP/NGSP
34.	Danh mục cơ chế tài chính	LGSP/NGSP
35.	Danh mục mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức	LGSP/NGSP
36.	Danh mục khác	LGSP/NGSP